

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN TOÁN - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>30</b>	<b>16010030</b>	<b>Nguyễn Thế Khôi</b>	<b>Nam</b>	<b>28/06/2010</b>	<b>10A1</b>	<b>Phú Xuyên A</b>	<b>18.50</b>	<b>1</b>
52	16010052	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	16/02/2010	10A1	Phú Xuyên A	18.00	2
51	16010051	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	2/22/2010	10A1	Phú Xuyên B	17.50	3
15	16010015	Vũ Hậu Giang	Nữ	1/25/2010	10A1	Tân Dân	17.50	3
39	16010039	Đào Thanh Quang Minh	Nam	22/05/2010	10A1	Phú Xuyên A	17.00	5
1	16010001	Đỗ Đức Anh	Nam	14/01/2010	10A1	Vân Tào	17.00	5
48	16010048	Nguyễn Ngọc Quyết	Nam	20/01/2010	10A1	Đông Quan	17.00	5
5	16010005	Vũ Minh Anh	Nữ	08/04/2010	10A5	Phú Xuyên A	16.75	8
50	16010050	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	28/07/2010	10A6	Thường Tín	16.75	8
55	16010055	Đặng Thùy Trâm	Nữ	30/07/2010	10A2	Thường Tín	16.75	8
2	16010002	Nguyễn Lê Hải Anh	Nam	24/05/2010	10A6	Thường Tín	16.50	11
27	16010027	Nguyễn Duy Khánh	Nam	7/8/2010	10A1	Đông Quan	16.25	12
21	16010021	Nguyễn Hoàng Hiệp	Nam	28/04/2010	10A5	Phú Xuyên A	16.00	13
45	16010045	Phan Đức Nghiệp	Nam	2/12/2010	10A1	Tân Dân	16.00	13
56	16010056	Khuất Duy Trường	Nam	19/01/2010	10A1	Đông Quan	16.00	13
9	16010009	Phạm Thị Huyền Dịu	Nữ	10/16/2010	10A1	Tân Dân	15.75	16
12	16010012	Nguyễn Hồng Dương	Nam	5/27/2010	10A1	Tân Dân	15.75	16
32	16010032	Nguyễn Thị Thu Liễu	Nữ	28/01/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	15.75	16
18	16010018	Đặng Ngọc Hiền	Nữ	28/08/2010	10A6	Thường Tín	15.50	19
36	16010036	Nguyễn Anh Long	Nam	14/06/2010	10A1	Thường Tín	15.25	20
6	16010006	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	06/03/2010	10A5	Phú Xuyên A	14.75	21
17	16010017	Trần Đức Hải	Nam	19/02/2010	10A1	Đông Quan	14.75	21
37	16010037	Bùi Đức Mạnh	Nam	16/05/2010	10A5	Phú Xuyên A	14.50	23
46	16010046	Vũ Trung Nguyên	Nam	24/11/2010	10A5	Phú Xuyên A	14.25	24
41	16010041	Nguyễn Nhật Minh	Nam	20/02/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	14.25	24
31	16010031	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	10/25/2010	10A1	Phú Xuyên B	14.00	26
40	16010040	Lã Tiến Minh	Nam	17/02/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	14.00	26
44	16010044	Nguyễn Giang Hà Ngân	Nữ	7/7/2010	10A1	Vân Tào	14.00	26
8	16010008	Nguyễn Đỗ Khánh Chi	Nữ	25/11/2010	10A1	Vân Tào	13.50	29
49	16010049	Nguyễn Đức Tâm	Nam	22/11/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	13.00	30
19	16010019	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	12/27/2010	10A1	Tân Dân	13.00	30
23	16010023	Lê Hoàng Bảo Huy	Nam	8/9/2010	10A6	Thường Tín	12.75	32
14	16010014	Nguyễn Nguyên Minh Đức	Nam	2/9/2010	10A1	Thường Tín	12.50	33
13	16010013	Nguyễn Đức Đại	Nam	26/07/2010	10A1	Đông Quan	12.50	33
22	16010022	Đào Quang Hiệu	Nam	4/7/2010	10A1	Đông Quan	12.25	35
35	16010035	Phan Phạm Thùy Linh	Nữ	3/17/2010	10A1	Tân Dân	11.75	36
4	16010004	Trần Bảo Anh	Nam	3/7/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	11.25	37

10	16010010	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	22/12/2010	10A1	Tô Hiệu-TT	11.00	38
20	16010020	Nguyễn Vinh	Hiên	Nam	13/02/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	10.75	39
53	16010053	Đào Anh	Tiến	Nam	21/05/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	10.75	39
29	16010029	Đào Duy	Khoa	Nam	25/06/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	10.25	41
11	16010011	Nguyễn Ánh	Dương	Nữ	13/04/2010	10A1	Đồng Quan	10.00	42
47	16010047	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	3/2/2010	10A2	Phú Xuyên B	9.75	43
38	16010038	Đào Đăng Đức	Minh	Nam	1/27/2010	10A1	Phú Xuyên B	9.50	44
26	16010026	Lê Thị Ngân	Khánh	Nữ	9/5/2010	10A	Trương Thăng Long	9.50	44
43	16010043	Nguyễn Hải	Nam	Nam	17/08/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	9.00	46
33	16010033	Đỗ Hải	Linh	Nam	16/10/2010	10A1	Vân Tảo	9.00	46
28	16010028	Trần Thị Minh	Khánh	Nữ	9/2/2010	10A1	Phú Xuyên B	8.75	48
54	16010054	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	10/23/2010	10A2	Phú Xuyên B	8.50	49
34	16010034	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	6/5/2010	10A6	Vân Tảo	8.50	49
16	16010016	Nguyễn Thị Minh	Hà	Nữ	11/6/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	8.25	51
42	16010042	Bùi Ngọc Trà	Mỹ	Nữ	2/6/2010	10A1	Vân Tảo	8.25	51
3	16010003	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	27/12/2010	10A1	Lý Từ Tấn	8.25	51
7	16010007	Nguyễn Trung	Bách	Nam	8/4/2010	10A1	Thường Tín	7.25	54
25	16010025	Nguyễn Hoàng	Hữu	Nam	22/06/2010	10A1	Lý Từ Tấn	6.25	55
24	16010024	Đào Duy	Hùng	Nam	10/6/2010	10A2	Phú Xuyên B	5.50	56

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN VẬT LÝ - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>26</b>	<b>16020026</b>	<b>Nguyễn Thảo Linh</b>	<b>Nữ</b>	<b>23/12/2010</b>	<b>10A1</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>15.25</b>	<b>1</b>
6	16020006	Đỗ Thanh Bình	Nữ	03/09/2010	10A1	Phú Xuyên A	15.00	2
29	16020029	Lê Gia Minh	Nam	27/09/2010	10A1	Đông Quan	15.00	2
35	16020035	Ngô Anh Quân	Nam	22/05/2010	10A1	Đông Quan	15.00	2
19	16020019	Lê Hồng Hoa	Nữ	17/09/2010	10A6	Thường Tín	14.75	5
2	16020002	Vũ Quỳnh Anh	Nữ	11/04/2010	10A5	Phú Xuyên A	14.50	6
42	16020042	Hoàng Ngọc Tú	Nữ	01/02/2010	10A1	Phú Xuyên A	14.50	6
46	16020046	Trần Hải Yến	Nữ	18/02/2010	10A1	Đông Quan	14.50	6
36	16020036	Nguyễn Quang Sáng	Nam	8/8/2010	10A1	Đông Quan	14.25	9
5	16020005	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	10/8/2010	10A1	Đông Quan	14.00	10
43	16020043	Lê Quang Vinh	Nam	30/03/2010	10A1	Phú Xuyên A	13.75	11
33	16020033	Vũ Hoàng Thiên Phong	Nam	24/07/2010	10A1	Đông Quan	13.50	12
40	16020040	Nghiêm Thị Minh Thi	Nữ	2/2/2010	10A2	Đông Quan	13.50	12
38	16020038	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	6/20/2010	10A1	Tân Dân	13.00	14
1	16020001	Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	23/02/2010	10A5	Phú Xuyên A	12.75	15
11	16020011	Kiều Thành Đạt	Nam	05/08/2010	10A5	Phú Xuyên A	12.75	15
22	16020022	Nguyễn Gia Huy	Nam	26/11/2010	10A5	Phú Xuyên A	12.75	15
41	16020041	Trịnh Đăng Tiến	Nam	4/2/2010	10A6	Thường Tín	12.75	15
4	16020004	Nguyễn Gia Bảo	Nam	16/12/2010	10A3	Vân Tảo	12.50	19
10	16020010	Hoàng Tiến Đạt	Nam	5/3/2010	10A1	Phú Xuyên B	12.00	20
24	16020024	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	9/29/2010	10A2	Phú Xuyên B	12.00	20
28	16020028	Lê Ngọc Mai	Nữ	12/8/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	11.50	22
39	16020039	Lê Mạnh Thắng	Nam	23/04/2010	10A1	Lý Tử Tấn	11.50	22
13	16020013	Đặng Gia Định	Nữ	1/16/2010	10A1	Tân Dân	11.00	24
14	16020014	Nguyễn Văn Được	Nam	2/11/2010	10A1	Tân Dân	10.50	25
15	16020015	Đàm Minh Đức	Nam	12/4/2010	10A1	Thường Tín	10.50	25
18	16020018	Trần Thị Minh Hằng	Nữ	27/10/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	10.50	25
31	16020031	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	30/01/2010	10A5	Phú Xuyên A	10.50	25
44	16020044	Vũ Sĩ Vương	Nam	1/14/2010	10A1	Phú Xuyên B	10.50	25
45	16020045	Nguyễn Thiện Vỹ	Nam	8/12/2010	10A1	Vân Tảo	10.50	25
16	16020016	Nguyễn Trung Đức	Nam	18/02/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	10.25	31
34	16020034	Trần Thanh Phúc	Nam	29/09/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	9.75	32

7	16020007	Bùi Bảo	Châu	Nữ	9/5/2010	10A1	Thường Tín	9.25	33
27	16020027	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	10/3/2010	10A1	Phú Xuyên B	9.25	33
17	16020017	Phạm Khánh	Hà	Nữ	9/2/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	9.00	35
21	16020021	Hồ Minh	Huy	Nam	29/09/2010	10A1	Vân Tảo	8.75	36
30	16020030	Đặng Trà	My	Nữ	22/03/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	8.75	36
8	16020008	Ngô Anh	Duy	Nam	4/3/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	8.50	38
9	16020009	Nguyễn Duy	Dương	Nam	2/13/2010	10A1	Phú Xuyên B	8.25	39
12	16020012	Trần Thành	Đạt	Nam	1/4/2010	10A3	Phú Xuyên B	8.25	39
25	16020025	Trần Duy	Hung	Nam	8/7/2010	10A1	Lý Tử Tấn	8.25	39
20	16020020	Trịnh Xuân	Hợp	Nam	1/26/2010	10A1	Phú Xuyên B	8.00	42
3	16020003	Nguyễn Hoàng	Bách	Nam	3/9/2010	10A1	Tân Dân	7.75	43
23	16020023	Phạm Gia	Huy	Nam	1/7/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	7.00	44
32	16020032	Ngô Tuyết	Nhi	Nữ	15/02/2010	10A1	Lý Tử Tấn	6.25	45
37	16020037	Nguyễn Anh	Sơn	Nam	26/02/2010	10A	Trường Thăng Long	5.25	46

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN HOÁ HỌC - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>34</b>	<b>16030034</b>	<b>Nghiêm Bình Minh</b>	<b>Nam</b>	<b>5/3/2010</b>	<b>10A1</b>	<b>Đồng Quan</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
40	16030040	Vũ Phương Quỳnh	Nữ	02/10/2010	10A1	Phú Xuyên A	17.75	2
9	16030009	Vũ Hồng Anh	Nữ	7/10/2010	10A1	Đồng Quan	16.25	3
22	16030022	Vương Thị Hiền	Nữ	24/04/2010	10A1	Đồng Quan	16.00	4
32	16030032	Vũ Mạnh Long	Nam	3/26/2010	10A1	Tân Dân	15.75	5
33	16030033	Nguyễn Xuân Mai	Nữ	7/10/2010	10A1	Thường Tín	15.75	5
10	16030010	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	7/27/2010	10A1	Phú Xuyên B	15.25	7
38	16030038	Đoàn Hữu Quang	Nam	25/09/2010	10A2	Đồng Quan	14.75	8
20	16030020	Dương Minh Hà	Nam	11/9/2010	10A1	Phú Xuyên B	14.50	9
39	16030039	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	17/07/2010	10A1	Thường Tín	14.50	9
7	16030007	Phạm Quốc Anh	Nam	8/15/2010	10A1	Phú Xuyên B	13.75	11
13	16030013	Hà Văn Đức Cường	Nam	28/09/2010	10A6	Thường Tín	13.50	12
46	16030046	Nguyễn Thành Trung	Nam	14/01/2010	10A2	Thường Tín	13.50	12
23	16030023	Đỗ Hoàng Hiệp	Nam	19/04/2010	10A1	Đồng Quan	12.75	14
1	16030001	Dương Đức An	Nam	1/1/2010	10A2	Thường Tín	12.50	15
2	16030002	Cao Đức Anh	Nam	11/03/2010	10A1	Phú Xuyên A	12.25	16
6	16030006	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nữ	9/11/2010	10A2	Đồng Quan	12.00	17
8	16030008	Trần Nguyễn Mai Anh	Nữ	31/08/2010	10A1	Phú Xuyên A	12.00	17
12	16030012	Nguyễn Ngọc Bảo Chinh	Nữ	9/8/2010	10A1	Vân Tảo	11.50	19
5	16030005	Nguyễn Duy Anh	Nam	1/7/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	11.25	20
44	16030044	Lê Đức Tiến	Nam	4/3/2010	10A1	Vân Tảo	11.25	20
18	16030018	Hoàng Anh Đức	Nam	7/5/2010	10A2	Đồng Quan	11.00	22
21	16030021	Đào Đức Hiếu	Nam	7/19/2010	10A1	Phú Xuyên B	11.00	22
16	16030016	Đàm Tiến Đạt	Nam	1/21/2010	10A1	Phú Xuyên B	10.75	24
17	16030017	Dương Minh Đức	Nam	21/03/2010	10A2	Phú Xuyên A	10.75	24
37	16030037	Phạm Minh Phương	Nam	12/19/2010	10A1	Tân Dân	10.50	26
28	16030028	Trịnh Sơn Lâm	Nam	10/5/2010	10A1	Vân Tảo	10.25	27
36	16030036	Đinh Thị Hồng Ngọc	Nữ	12/9/2010	10A1	Tân Dân	9.75	28
14	16030014	Nguyễn Thị Bích Diệp	Nữ	19/06/2010	10A1	Nguyễn Trãi - TT	9.25	29
35	16030035	Phan Quang Minh	Nam	2/21/2010	10A1	Tân Dân	9.25	29
41	16030041	Trần Đức Tài	Nam	17/11/2010	10A1	Phú Xuyên A	8.75	31
30	16030030	Lương Tố Linh	Nữ	08/07/2010	10A3	Phú Xuyên A	7.75	32

47	16030047	Nguyễn Minh	Tuyết	Nữ	4/16/2010	10A2	Phú Xuyên B	7.75	32
11	16030011	Nguyễn Kim	Chi	Nữ	13/07/2010	10A1	Nguyễn Trãi - TT	7.50	34
15	16030015	Lâm Khương	Duy	Nam	10/21/2010	10A1	Tân Dân	7.00	35
26	16030026	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	Nữ	15/07/2010	10A5	Phú Xuyên A	7.00	35
29	16030029	Hoàng Diệu Phương	Linh	Nữ	15/10/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	7.00	35
19	16030019	Phạm Ngọc Châu	Giang	Nữ	13/09/2010	10A	Trường Thăng Long	6.50	38
24	16030024	Lê Việt	Khánh	Nam	18/11/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	6.50	38
27	16030027	Hoàng Anh	Khoa	Nam	30/12/2010	10A1	Nguyễn Trãi - TT	6.50	38
42	16030042	Tạ Thanh	Tâm	Nữ	23/07/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	6.50	38
45	16030045	Nguyễn Thị Yên	Trang	Nữ	19/09/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	6.25	42
43	16030043	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	26/07/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	6.00	43
4	16030004	Hoàng Hồng	Anh	Nữ	21/08/2010	10A5	Phú Xuyên A	5.75	44
31	16030031	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	1/6/2010	10A2	Phú Xuyên B	4.75	45
3	16030003	Đàm Thị Ngọc	Anh	Nữ	04/11/2010	10A1	Lý Tử Tấn	3.25	46
25	16030025	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	23/08/2010	10A1	Lý Tử Tấn	3.25	46

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN SINH HỌC - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>14</b>	<b>16040014</b>	<b>Tạ Phúc Khang</b>	<b>Nam</b>	<b>2/8/2010</b>	<b>10A5</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>14.00</b>	<b>1</b>
13	16040013	Vũ Minh Hiền	Nữ	06/04/2010	10A2	Phú Xuyên A	12.25	2
20	16040020	Nguyễn Trọng Triệu Phong	Nam	25/05/2010	10A1	Thường Tín	12.20	3
15	16040015	Phan Gia Linh	Nữ	20/10/2010	10A1	Phú Xuyên A	12.10	4
28	16040028	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	9/9/2010	10A	Trường Thăng Long	11.25	5
21	16040021	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	09/04/2010	10A1	Phú Xuyên A	11.10	6
22	16040022	Phạm Thị Kim Sơn	Nữ	11/29/2010	10A2	Tân Dân	10.75	7
31	16040031	Phan Thị Tường Vy	Nữ	01/09/2010	10A8	Phú Xuyên A	10.25	8
2	16040002	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	17/05/2010	10A10	Phú Xuyên A	9.50	9
1	16040001	Đàm Diệu Anh	Nữ	26/11/2010	10A2	Thường Tín	9.05	10
9	16040009	Nguyễn Thu Hà	Nữ	23/07/2010	10A6	Phú Xuyên A	9.00	11
29	16040029	Đào Khôi Vĩ	Nam	22/09/2010	10A1	Đồng Quan	9.00	11
7	16040007	Luong Thị Kiều Diễm	Nữ	23/02/2010	10A3	Đồng Quan	8.75	13
19	16040019	Nghiêm Xuân Hoàng Nguyên	Nam	07/12/2010	10A1	Phú Xuyên A	8.60	14
26	16040026	Nguyễn Thu Trang	Nữ	21/10/2010	10A4	Phú Xuyên B	8.50	15
17	16040017	Lê Hà Bảo Ngọc	Nữ	17/11/2010	10A4	Vân Tảo	8.20	16
18	16040018	Vũ Trần Minh Ngọc	Nữ	28/10/2010	10A7	Thường Tín	8.10	17
25	16040025	Trần Anh Thư	Nữ	11/29/2010	10A2	Tân Dân	8.00	18
10	16040010	Đình Thị Thu Hạ	Nữ	3/8/2010	10A3	Phú Xuyên B	7.75	19
23	16040023	Bùi Thị Thảo	Nữ	07/11/2010	10A1	Phú Xuyên A	7.70	20
8	16040008	Nguyễn Bảo Thùy Dương	Nữ	8/9/2010	10A5	Đồng Quan	6.50	21
16	16040016	Tạ Thị Ngọc Linh	Nữ	16/02/2010	10A1	Thường Tín	6.40	22
11	16040011	Phạm Thị Khánh Hằng	Nữ	15/01/2010	10A1	Phú Xuyên B	6.25	23
4	16040004	Đỗ Đức Cảnh	Nam	7/4/2010	10A2	Nguyễn Trãi - TT	5.95	24
5	16040005	Nguyễn Minh Châu	Nữ	5/3/2010	10A2	Vân Tảo	5.95	24
27	16040027	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	1/2/2010	10A3	Vân Tảo	5.75	26
6	16040006	Trần Việt Chinh	Nữ	14/02/2010	10A8	Đồng Quan	5.60	27
3	16040003	Lê Xuân Bách	Nam	17/06/2010	10A2	Lý Tử Tấn	5.10	28
24	16040024	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	22/11/2010	10A1	Lý Tử Tấn	4.85	29
12	16040012	Ngô Minh Hân	Nữ	9/1/2010	10A1	Tô Hiệu-TT	4.50	30
30	16040030	Nguyễn Thị Hà Vy	Nữ	13/08/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	4.50	30

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>53</b>	<b>16050053</b>	<b>Dương Thanh Thủy</b>	<b>Nữ</b>	<b>1/6/2010</b>	<b>10A11</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>18.50</b>	<b>1</b>
20	16050020	Nguyễn Thu Hà	Nữ	01/06/2010	10A11	Phú Xuyên A	18.00	2
17	16050017	Trần Thu Giang	Nữ	30/10/2010	10A6	Vân Tảo	17.50	3
50	16050050	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	25/06/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	17.50	3
29	16050029	Lê Diệu Linh	Nữ	15/09/2010	10A10	Đồng Quan	17.00	5
32	16050032	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	12/11/2010	10A10	Đồng Quan	17.00	5
21	16050021	Trương Khánh Hà	Nữ	11/11/2010	10A11	Phú Xuyên A	16.50	7
35	16050035	Nguyễn Thùy My	Nữ	27/12/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	16.50	7
22	16050022	Nguyễn Quang Hiếu	Nam	12/04/2010	10A11	Phú Xuyên A	16.00	9
40	16050040	Đặng Thảo Nguyên	Nữ	27/03/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	16.00	9
52	16050052	Lê Minh Thu	Nữ	22/11/2010	10A11	Phú Xuyên A	16.00	9
56	16050056	Kiều Lê Thị Thu Trang	Nữ	01/01/2010	10A11	Phú Xuyên A	16.00	9
18	16050018	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	5/11/2010	10A11	Thường Tín	15.50	13
26	16050026	Lại Ngọc Lan	Nữ	9/22/2010	10D2	Tân Dân	15.50	13
45	16050045	Trần Thị Ninh	Nữ	5/7/2010	10A9	Thường Tín	15.50	13
47	16050047	Nguyễn Hồng Sâm	Nữ	21/12/2010	10D1	Nguyễn Trãi- TT	15.50	13
15	16050015	Trần Khánh Duy	Nam	6/1/2010	10D1	Tân Dân	15.00	17
16	16050016	Trương Công Đạt	Nam	30/04/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	15.00	17
19	16050019	Nguyễn Thu Hà	Nữ	23/07/2010	10A10	Đồng Quan	15.00	17
41	16050041	Lê Thảo Nguyên	Nữ	23/11/2010	10A10	Đồng Quan	15.00	17
46	16050046	Đỗ Bảo Phương	Nữ	12/9/2010	10A11	Thường Tín	15.00	17
48	16050048	Trần Bảo Thanh	Nữ	1/6/2010	10D6	Nguyễn Trãi- TT	15.00	17
23	16050023	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ	14/01/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	14.50	23
27	16050027	Bùi Hà Linh	Nữ	12/2/2010	10A9	Vân Tảo	14.50	23
37	16050037	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	Nữ	8/23/2010	10A12	Phú Xuyên B	14.50	23
43	16050043	Đinh Thị Yến Nhi	Nữ	8/5/2010	10A10	Đồng Quan	14.50	23
54	16050054	Lê Thị Kim Thư	Nữ	01/01/2010	10A11	Phú Xuyên A	14.50	23
12	16050012	Nguyễn Quỳnh Châm	Nữ	27/03/2010	10A1	Nguyễn Trãi- TT	14.00	28
28	16050028	Đỗ Thị Ngọc Linh	Nữ	27/10/2010	10A11	Thường Tín	14.00	28
39	16050039	Bùi Thảo Nguyên	Nữ	29/08/2010	10A11	Phú Xuyên A	14.00	28
4	16050004	Nguyễn Hà Anh	Nữ	01/09/2010	10A14	Phú Xuyên A	13.50	31
8	16050008	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	8/3/2010	10D1	Nguyễn Trãi- TT	13.50	31

9	16050009	Nguyễn Đào Kiều	Ánh	Nữ	27/07/2010	10A15	Thường Tín	13.50	31
13	16050013	Lê Thị Bảo	Châu.	Nữ	24/06/2010	10D7	Lý Tử Tấn	13.50	31
25	16050025	Nguyễn Tường	Lam	Nữ	28/08/2010	10A6	Vân Tảo	13.50	31
31	16050031	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	9/9/2010	10A1	Lý Tử Tấn	13.50	31
38	16050038	Trương Khánh	Ngọc	Nữ	29/11/2010	10A6	Vân Tảo	13.50	31
51	16050051	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	11/5/2010	10D4	Lý Tử Tấn	13.50	31
5	16050005	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	9/13/2010	10A1	Phú Xuyên B	13.00	39
14	16050014	Đình Quỳnh	Chi	Nữ	6/16/2010	10D1	Tân Dân	13.00	39
42	16050042	Nguyễn Hải	Nguyên	Nữ	5/4/2010	10D2	Tân Dân	13.00	39
1	16050001	Đào Phương	Anh	Nữ	4/5/2010	10A10	Đồng Quan	12.50	42
6	16050006	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23/06/2010	10A10	Đồng Quan	12.50	42
11	16050011	Tạ Ngọc	Ánh	Nữ	8/10/2010	10D1	Lý Tử Tấn	12.50	42
44	16050044	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	16/07/2010	10A6	Phú Xuyên B	12.50	42
55	16050055	Đình Nguyễn Yên	Trang	Nữ	9/4/2010	10D1	Tân Dân	12.50	42
3	16050003	Lưu Trâm	Anh	Nữ	27/08/2010	10D1	Lý Tử Tấn	12.00	47
7	16050007	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	30/04/2010	10A11	Thường Tín	12.00	47
36	16050036	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	3/11/2010	10A12	Phú Xuyên B	12.00	47
58	16050058	Bùi Thị Thanh	Vân	Nữ	20/09/2010	10A6	Vân Tảo	12.00	47
2	16050002	Lê Hải	Anh	Nữ	2/10/2010	10D4	Lý Tử Tấn	11.50	51
57	16050057	Hoàng Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28/07/2010	10D1	Nguyễn Trãi- TT	11.50	51
10	16050010	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	8/28/2010	10A10	Phú Xuyên B	11.00	53
24	16050024	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	1/6/2010	10A11	Thường Tín	11.00	53
30	16050030	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	1/1/2010	10A2	Phú Xuyên B	11.00	53
33	16050033	Trịnh Hà	Linh	Nữ	17/03/2010	10A	Trường Thăng Long	11.00	53
34	16050034	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	11/2/2010	10A1	Phú Xuyên B	10.00	57
49	16050049	Bùi Thị Thanh	Thảo	Nữ	6/23/2010	10C1	Tân Dân	10.00	57

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>10</b>	<b>16060010</b>	<b>Đỗ Bảo Anh</b>	<b>Nữ</b>	<b>21/02/2010</b>	<b>10C1</b>	<b>Tân Dân</b>	<b>15.75</b>	<b>1</b>
35	16060035	Đỗ Thị Bích Ngọc	Nữ	16/03/2010	10A13	Đồng Quan	15.50	2
4	16060004	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	6/2/2010	10D1	Lý Tử Tấn	15.25	3
17	16060017	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	22/01/2010	10D3	Lý Tử Tấn	15.25	3
21	16060021	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	10/4/2010	10D3	Tân Dân	15.00	5
5	16060005	Nguyễn Hữu Việt	Nam	9/5/2010	10D5	Lý Tử Tấn	14.50	6
22	16060022	Đào Thị Khánh Hòa	Nữ	4/3/2010	10A12	Đồng Quan	14.50	6
20	16060020	Trịnh Minh Hào	Nữ	12/12/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	14.25	8
34	16060034	Nguyễn Thúy Nga	Nữ	21/04/2010	10A3	Phú Xuyên B	14.25	8
41	16060041	Phạm Phương Thảo	Nữ	13/09/2010	10A15	Thường Tín	14.25	8
24	16060024	Từ Minh Khánh	Nam	9/12/2010	10A12	Thường Tín	14.00	11
43	16060043	Mai Phương Thúy	Nữ	21/3/2010	10A2	Tân Dân	14.00	11
39	16060039	Doãn Khánh Phương	Nữ	30/10/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	13.75	13
36	16060036	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	7/9/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	13.50	14
44	16060044	Đỗ Thu Thủy	Nữ	20/06/2010	10A10	Đồng Quan	13.50	14
51	16060051	Hoàng Thảo Vy	Nữ	27/11/2010	10A0	Tô Hiệu-TT	13.25	16
11	16060011	Nguyễn Hoàng Bách	Nam	4/7/2009	10D1	Nguyễn Trãi- TT	13.00	17
23	16060023	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	27/07/2010	10A11	Thường Tín	13.00	17
25	16060025	Hồ Nguyễn Bảo Lâm	Nữ	13/11/2010	10A12	Thường Tín	13.00	17
31	16060031	Nguyễn Diệu Ly	Nữ	06/07/2010	10A2	Phú Xuyên B	13.00	17
12	16060012	Vũ An Bình	Nữ	07/12/2010	10A2	Phú Xuyên B	12.50	21
13	16060013	Bùi Bảo Châu	Nữ	28/01/2010	10A7	Vân Tảo	12.50	21
30	16060030	Đỗ Khánh Linh	Nữ	27/11/2009	10A9	Vân Tảo	12.00	23
37	16060037	Nguyễn Thúy Nhi	Nữ	30/7/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	12.00	23
48	16060048	Phùng Khánh Trinh	Nữ	21/07/2010	10A7	Phú Xuyên A	12.00	23
52	16060052	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	19/04/2010	10A2	Phú Xuyên B	12.00	23
16	16060016	Đặng Anh Duy	Nam	10/11/2010	10D5	Tô Hiệu-TT	11.50	27
14	16060014	Nguyễn Bá Việt Đức	Nam	10/09/2010	10A11	Phú Xuyên A	11.25	28
1	16060001	Bùi Hoàng Hồng Anh	Nữ	17/12/2010	10A3	Phú Xuyên B	11.00	29
3	16060003	Trịnh Phương Anh	Nữ	5/3/2010	10A10	Đồng Quan	11.00	29
2	16060002	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	08/07/2010	10A6	Phú Xuyên B	10.75	31
8	16060008	Phan Thị Quỳnh Anh	Nữ	05/12/2010	10A11	Phú Xuyên A	10.75	31

40	16060040	Luu Doãn	Thanh	Nữ	25/03/2010	10H1	Nguyễn Trãi- TT	10.50	33
46	16060046	Tạ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/06/2010	10D1	Nguyễn Trãi- TT	10.50	33
47	16060047	Nguyễn Minh	Triết	Nam	17/03/2010	10A10	Đông Quan	10.25	35
42	16060042	Trần Thị	Thương	Nữ	13/03/2010	10A7	Phú Xuyên B	10.00	36
29	16060029	Đỗ Phan	Linh	Nữ	12/9/2010	10D5	Tân Dân	9.50	37
33	16060033	Trần Thị	Mỹ	Nữ	23/12/2010	10A9	Đông Quan	9.50	37
49	16060049	Hoàng Thanh	Tuấn	Nam	8/18/2010	10A1	Nguyễn Trãi- TT	9.50	37
9	16060009	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	23/01/2010	10A15	Phú Xuyên A	9.25	40
28	16060028	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	9/5/2010	10D2	Tân Dân	9.00	41
38	16060038	Nguyễn Ngọc Tố	Nhiên	Nữ	22/07/2010	10A11	Phú Xuyên A	7.75	42
50	16060050	Trần Thanh	Tuyền	Nữ	8/7/2010	10A11	Thường Tín	7.75	42
18	16060018	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	13/11/2010	10B	L, THCS và Thăng L	7.50	44
32	16060032	Phạm Tuyết	Minh	Nữ	03/10/2010	10A15	Phú Xuyên A	7.50	44
26	16060026	Nguyễn Ngọc Phươn	Linh	Nữ	11/2/2010	10A13	Thường Tín	7.25	46
19	16060019	Lương Quốc	Hải	Nam	28/06/2010	10A6	Vân Tảo	7.00	47
27	16060027	Nguyễn Bảo	Linh	Nữ	08/07/2010	10A11	Phú Xuyên A	7.00	47
45	16060045	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	22/09/2010	10A11	Phú Xuyên A	5.50	49
7	16060007	Trần Tú	Anh	Nữ	7/1/2010	10A13	Thường Tín	5.25	50
6	16060006	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	28/03/2010	10A11	Thường Tín	-1.00	51
15	16060015	Đặng Thùy	Dương	Nữ	3/2/2010	10A9	Vân Tảo	-1.00	51

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>38</b>	<b>16070038</b>	<b>Phạm Thu Trang</b>	<b>Nữ</b>	<b>11/9/2010</b>	<b>10A11</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>17.00</b>	<b>1</b>
6	16070006	Trần Thị Bảo	Nữ	14/12/2010	10A10	Vân Tảo	16.50	2
4	16070004	Phạm Thị Ngọc	Nữ	22/06/2010	10A11	Đông Quan	15.75	3
7	16070007	Trần Ngọc Thuý	Nữ	22/11/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	15.50	4
40	16070040	Trịnh Khánh	Nữ	10/6/2010	10A11	Vân Tảo	15.50	4
9	16070009	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	7/21/2010	10D1	Tân Dân	14.75	6
3	16070003	Thái Thị Lan	Nữ	14/08/2010	10A14	Phú Xuyên A	13.75	7
2	16070002	Nguyễn Thùy	Nữ	16/01/2010	10A11	Phú Xuyên A	13.50	8
20	16070020	Vương Hà	Nữ	1/5/2010	10A7	Vân Tảo	13.50	8
25	16070025	Nguyễn Thị Yên	Nữ	25/02/2010	10A11	Phú Xuyên A	13.50	8
30	16070030	Nguyễn Thanh	Nữ	8/17/2010	10D1	Tân Dân	13.50	8
14	16070014	Vũ Vân	Nữ	17/09/2010	10A14	Phú Xuyên A	13.00	12
21	16070021	Đoàn Dương Hà	Nữ	25/09/2010	10B	Trường Thăng Long	13.00	12
8	16070008	Tạ Thuý	Nữ	11/10/2010	10D2	Tô Hiệu-TT	12.50	14
10	16070010	Vũ Thành	Nam	01/10/2010	10A11	Phú Xuyên A	12.50	14
31	16070031	Hà Văn	Nam	20/12/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	12.50	14
16	16070016	Đỗ Mai Phương	Nữ	14/06/2010	10A11	Phú Xuyên A	12.25	17
24	16070024	Nguyễn Hoàng Kim	Nữ	12/2/2010	10A12	Vân Tảo	12.25	17
34	16070034	Đào Thị Thu	Nữ	26/08/2010	10C1	Tân Dân	12.25	17
41	16070041	Nguyễn Thị Hải	Nữ	23/11/2010	10D1	Lý Tử Tấn	12.25	17
11	16070011	Đặng Thị	Nữ	8/3/2010	10D2	Tân Dân	12.00	21
13	16070013	Phạm Nam	Nam	26/02/2010	10D6	Nguyễn Trãi – TT	12.00	21
35	16070035	Nguyễn Huyền	Nữ	26/11/2010	10A15	Thường Tín	12.00	21
28	16070028	Lương Trần	Nam	9/6/2010	10A11	Đông Quan	11.50	24
33	16070033	Nguyễn Anh	Nữ	28/11/2010	10A10	Phú Xuyên B	11.50	24
15	16070015	Nguyễn Đình	Nam	12/10/2010	10A12	Đông Quan	11.00	26
26	16070026	Nguyễn Thị Kim	Nữ	17/02/2010	10D1	Lý Tử Tấn	11.00	26
39	16070039	Phạm Thị Hồng	Nữ	7/9/2010	10C1	Tân Dân	11.00	26
19	16070019	Nguyễn Trần Hà	Nữ	29/10/2010	10A11	Thường Tín	10.75	29
29	16070029	Nguyễn Dương	Nữ	24/03/2010	10D0	Tô Hiệu-TT	10.50	30
37	16070037	Nguyễn Thị Mai	Nữ	29/04/2010	10A14	Phú Xuyên A	10.50	30
12	16070012	Nguyễn Thị	Nữ	1/10/2010	10C1	Tân Dân	10.25	32

22	16070022	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	3/10/2010	10D1	Lý Tử Tấn	10.25	32
32	16070032	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	11/6/2010	10A11	Đông Quan	10.00	34
42	16070042	Lưu Thị Hương	Giang	Nữ	6/25/2010	10D1	Nguyễn Trãi – TT	10.00	34
1	16070001	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	17/06/2010	10A10	Phú Xuyên B	9.00	36
5	16070005	Từ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/06/2010	10A15	Phú Xuyên A	9.00	36
36	16070036	Nguyễn Thị Hiền	Trang	Nữ	15/06/2010	10D1	Nguyễn Trãi – TT	9.00	36
27	16070027	Quách Thanh	Tâm	Nữ	12/1/2010	10A12	Đông Quan	8.50	39
18	16070018	Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	26/02/2010	10A10	Phú Xuyên B	8.00	40
17	16070017	Hoàng Thị	Linh	Nữ	07/07/2010	10A10	Phú Xuyên B	7.00	41
23	16070023	Lương Quỳnh	Nga	Nữ	21/12/2010	10A10	Phú Xuyên B	6.50	42

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN TIẾNG ANH - KHỐI 10**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp		Điểm	Xếp thứ	
<b>42</b>	<b>16080042</b>	<b>Hoàng Thanh</b>	<b>Phong</b>	<b>Nam</b>	<b>5/9/2010</b>	<b>10A5</b>	<b>Vân Tảo</b>	<b>14.80</b>	<b>1</b>
7	16080007	Lê Đức	Anh	Nam	8/8/2010	10A11	Thường Tín	13.40	2
27	16080027	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	1/1/2010	10A6	Thường Tín	12.80	3
30	16080030	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	7/11/2010	10A6	Thường Tín	12.80	3
1	16080001	Nguyễn Thị Hà	An	Nữ	12/6/2010	10A6	Thường Tín	12.60	5
25	16080025	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	11/14/2010	10A6	Thường Tín	12.20	6
14	16080014	Nguyễn Quỳnh	Châu	Nữ	07/12/2010	10A5	Phú Xuyên A	12.00	7
36	16080036	Đào Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	12/4/2010	10A1	Phú Xuyên B	12.00	7
44	16080044	Nguyễn Hiền	Phương	Nữ	19/11/2010	10A5	Phú Xuyên A	12.00	7
6	16080006	Lê Tuấn	Anh	Nam	6/13/2010	10A1	Thường Tín	11.80	10
35	16080035	Đỗ Duy	Nghĩa	Nam	7/17/2010	10A1	Thường Tín	11.80	10
5	16080005	Trịnh Châu	Anh	Nữ	9/3/2010	10A6	Thường Tín	11.40	12
21	16080021	Hoàng Nguyễn Việt	Hà	Nam	16/08/2010	10A6	Vân Tảo	11.40	12
26	16080026	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	5/6/2010	10A1	Tân Dân	11.20	14
31	16080031	Dương Khánh	Linh	Nữ	01/03/2010	10A5	Phú Xuyên A	10.60	15
22	16080022	Bùi Gia	Hiếu	Nam	12/14/2010	10A2	Phú Xuyên B	10.40	16
20	16080020	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	2/3/2010	10D1	Tân Dân	10.20	17
43	16080043	Nguyễn Đăng Hà	Phương	Nữ	8/10/2010	10A1	Đồng Quan	10.20	17
10	16080010	Đình Gia	Bảo	Nam	30/10/2010	10A1	Đồng Quan	10.00	19
33	16080033	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	7/19/2010	10A3	Phú Xuyên B	10.00	19
46	16080046	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	26/06/2010	10A5	Phú Xuyên A	10.00	19
2	16080002	Ngô Tiến	An	Nam	5/1/2010	10A11	Vân Tảo	9.80	22
4	16080004	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	1/10/2010	10A1	Phú Xuyên B	9.80	22
12	16080012	Trần Ngọc Gia	Bảo	Nam	28/02/2010	10D0	Tô Hiệu-Thường Tín	9.80	22
48	16080048	Cao Hoàng Thanh	Vi	Nữ	25/11/2010	10A5	Phú Xuyên A	9.80	22
16	16080016	Ngô Minh	Chí	Nam	31/03/2010	10A2	Đồng Quan	9.60	26
24	16080024	Nguyễn Lê Phúc	Hiếu	Nam	31/08/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	9.60	26
50	16080050	Hoàng Khánh	Vy	Nữ	10/11/2010	10A5	Phú Xuyên A	9.60	26
15	16080015	Đỗ Lan	Chi	Nữ	25/08/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	9.40	29
17	16080017	Lê Kiều	Diễm	Nữ	06/08/2010	10A5	Phú Xuyên A	9.40	29
34	16080034	Lê Hà	My	Nữ	11/3/2010	10A1	Tô Hiệu-Thường Tín	9.20	31
3	16080003	Đào Huyền	Anh	Nữ	8/14/2010	10A1	Phú Xuyên B	9.00	32

18	16080018	Phan Hoàng	Diệu	Nữ	2/10/2010	10A2	Đồng Quan	9.00	32
29	16080029	Đình Phương	Linh	Nữ	26/02/2010	10A10	Đồng Quan	9.00	32
13	16080013	Bùi Thanh	Bình	Nam	5/27/2010	10D1	Tân Dân	8.80	35
11	16080011	Lê Hoàng	Bảo	Nam	8/24/2010	10A1	Tân Dân	8.20	36
45	16080045	Bùi Tiến	Thụ	Nữ	16/05/2010	10A6	Đồng Quan	8.20	36
37	16080037	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	1/19/2010	10A2	Phú Xuyên B	8.00	38
32	16080032	Cao Thị Thanh	Mai	Nữ	5/10/2010	10A11	Phú Xuyên B	7.90	39
38	16080038	Đoàn Duy	Nhật	Nam	12/9/2010	10A3	Nguyễn Trãi – TT	7.80	40
39	16080039	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	12/7/2009	10D1	Lý Tử Tấn	7.80	40
40	16080040	Đào Duy	Phát	Nam	12/6/2010	10A6	Đồng Quan	7.80	40
41	16080041	Dương Mạnh Trường	Phát	Nam	04/06/2010	10A6	Phú Xuyên A	7.80	40
47	16080047	Lê Xuân	Tiến	Nam	4/1/2010	10D1	Tân Dân	7.80	40
9	16080009	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	5/11/2010	10A0	Tô Hiệu-Thường Tín	7.60	45
8	16080008	Nguyễn Duy	Anh	Nam	22/12/2010	10A	TH, THCS và THPT Lòng	7.00	46
19	16080019	Trương Minh	Đức	Nam	10/12/2010	10D0	Tô Hiệu-Thường Tín	7.00	46
49	16080049	Nguyễn Công	Vinh	Nam	27/10/2010	10A1	Nguyễn Trãi – TT	7.00	46
23	16080023	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	2/9/2010	10A1	Tân Dân	6.60	49
28	16080028	Hoàng Xuân	Khoa	Nam	17/05/2010	10D1	Lý Tử Tấn	4.40	50

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỶ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN TOÁN - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>2</b>	<b>16010002</b>	<b>Nguyễn Thị Quỳnh Anh</b>	<b>Nữ</b>	<b>29/08/2009</b>	<b>11A6</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
<b>9</b>	<b>16010009</b>	<b>Nguyễn Chí Cường</b>	<b>Nam</b>	<b>24/09/2009</b>	<b>11A1</b>	<b>Đông Quan</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
<b>19</b>	<b>16010019</b>	<b>Nguyễn Khánh Hà</b>	<b>Nữ</b>	<b>11/12/2009</b>	<b>11A1</b>	<b>Phú Xuyên B</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
<b>51</b>	<b>16010051</b>	<b>Nguyễn Trường Vũ</b>	<b>Nam</b>	<b>14/08/2009</b>	<b>11A3</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
30	16010030	Phạm Hà Linh	Nữ	12/11/2009	11A1	Đông Quan	18.25	5
32	16010032	Nguyễn Thành Luân	Nam	20/11/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	18.25	5
17	16010017	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	15/11/2009	11A1	Vân Tảo	18.00	7
27	16010027	Ngô Minh Khoa	Nam	10/4/2009	11A1	Đông Quan	18.00	7
36	16010036	Lê Quý Nam	Nam	14/01/2009	11A1	Đông Quan	18.00	7
47	16010047	Lương Phú Trọng	Nam	26/02/2009	11A1	Đông Quan	18.00	7
10	16010010	Đào Đức Duy	Nam	21/04/2009	11A1	Phú Xuyên B	17.75	11
23	16010023	Trần Quang Huy	Nam	23/11/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	17.75	11
3	16010003	Tạ Minh Anh	Nữ	17/07/2009	11A5	Phú Xuyên A	17.50	13
15	16010015	Bùi Ngọc Đăng	Nam	8/4/2009	11A1	Vân Tảo	17.50	13
37	16010037	Phạm Thành Nam	Nam	25/07/2009	11A1	Thường Tín	17.25	15
39	16010039	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	1/31/2009	11A1	Tân Dân	17.25	15
4	16010004	Trần Tuấn Anh	Nam	10/3/2009	11A2	Nguyễn Trãi – TT	17.00	17
14	16010014	Trần Thành Đạt	Nam	01/10/2009	11A1	Tân Dân	17.00	17
44	16010044	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	28/12/2009	11A1	Thường Tín	16.75	19
42	16010042	Trần Gia Phú	Nam	15/07/2009	11A5	Phú Xuyên A	16.50	20
24	16010024	Nguyễn Huy Hùng	Nam	30/12/2009	11A1	Phú Xuyên A	16.25	21
1	16010001	Lê Thị Kiều Anh	Nữ	12/9/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	16.00	22
41	16010041	Nguyễn Đức Phát	Nam	15/01/2009	11A1	Phú Xuyên A	16.00	22
50	16010050	Nguyễn Quang Vinh	Nam	19/07/2009	11A1	Phú Xuyên B	16.00	22
43	16010043	Phạm Việt Thắng	Nam	28/07/2009	11A1	Phú Xuyên A	15.75	25
6	16010006	Nguyễn Phúc Bình	Nam	07/03/2009	11A1	Phú Xuyên B	15.50	26
33	16010033	Nguyễn Tiến Minh	Nam	13/12/2009	11A1	Đông Quan	15.50	26
34	16010034	Phạm Quang Minh	Nam	27/09/2009	11A1	Phú Xuyên B	15.50	26
22	16010022	Nguyễn Đức Huy	Nam	16/05/2009	11A1	Thường Tín	15.25	29
25	16010025	Phạm Tuấn Hưng	Nam	1/10/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	15.25	29
29	16010029	Dương Thuỳ Linh	Nữ	16/09/2009	11A1	Tân Dân	14.75	31
46	16010046	Trần Hà Trang	Nữ	9/3/2009	11A11	Thường Tín	14.75	31
13	16010013	Lê Thùy Dương	Nữ	15/01/2009	11A1	Thường Tín	14.50	33
16	16010016	Nguyễn Hải Đăng	Nam	25/02/2009	11A1	Vân Tảo	14.50	33
45	16010045	Đỗ Xuân Thủy	Nam	26/02/2009	11A5	Phú Xuyên A	14.25	35
31	16010031	Lê Thanh Loan	Nữ	30/12/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	14.00	36
49	16010049	Phạm Trọng Việt	Nam	26/03/2009	11A5	Phú Xuyên A	13.75	37

7	16010007	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	17/08/2009	11A1	Thường Tín	13.50	38
38	16010038	Lê Minh	Ngọc	Nam	22/01/2009	11A1	Phú Xuyên B	13.50	38
18	16010018	Nguyễn Thị	Đô	Nữ	11/05/2009	11A1	Tân Dân	13.00	40
40	16010040	Đỗ Phương	Nhung	Nữ	10/9/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	12.75	41
35	16010035	Trương Đức	Minh	Nam	08/04/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.50	42
20	16010020	Phạm Thị	Hà	Nữ	14/12/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	12.00	43
21	16010021	Tô Thế	Hiếu	Nam	6/1/2009	11D1	Nguyễn Trãi – TT	12.00	43
26	16010026	Bùi Trần Đăng	Khoa	Nam	29-01-2009	11A1	Lý Từ Tấn	12.00	43
11	16010011	Đỗ Đức	Duy	Nam	31/10/2009	11A3	Phú Xuyên B	11.50	46
12	16010012	Nguyễn Tiên	Dũng	Nam	14/10/2009	11D2	Nguyễn Trãi – TT	10.50	47
5	16010005	Lê Hoàng	Bách	Nam	25-11-2009	11A1	Lý Từ Tấn	10.25	48
28	16010028	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	02/04/2009	11A1	Tân Dân	9.75	49
48	16010048	Đàm Quốc	Trung	Nam	26-03-2009	11A1	Lý Từ Tấn	9.75	49
8	16010008	Vũ Thị	Chúc	Nữ	3/9/2009	11A1	Vân Tảo	7.00	51

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN VẬT LÝ - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>7</b>	<b>16020007</b>	<b>Đào Tiến Đạt</b>	<b>Nam</b>	<b>1/1/2009</b>	<b>11A1</b>	<b>Đồng Quan</b>	<b>19.00</b>	<b>1</b>
34	16020034	Nguyễn Danh Thái	Nam	5/8/2009	11A1	Đồng Quan	17.50	2
10	16020010	Lê Anh Đức	Nam	5/1/2009	11A6	Thường Tín	17.25	3
19	16020019	Bùi Trần Đình Khang	Nam	10/5/2009	11A1	Thường Tín	17.25	3
6	16020006	Đào Minh Đạt	Nam	12/4/2009	11A1	Tân Dân	16.00	5
21	16020021	Nguyễn Trung Kiên	Nam	21/07/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	15.75	6
23	16020023	Phạm Ngọc Mai	Nữ	15/07/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	15.75	6
30	16020030	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	2/2/2009	11A1	Phú Xuyên B	15.25	8
36	16020036	Lê Hà Thu Thủy	Nữ	31/03/2009	11A5	Phú Xuyên A	15.25	8
38	16020038	Lê Thùy Trang	Nữ	08/04/2009	11A5	Phú Xuyên A	15.25	8
13	16020013	Nguyễn Bùi Quang Hiếu	Nam	05/06/2009	11A1	Phú Xuyên A	15.00	11
28	16020028	Vũ Hải Nguyên	Nam	21/08/2009	11A1	Đồng Quan	15.00	11
18	16020018	Phạm Tuấn Hưng	Nam	21/10/2009	11A6	Đồng Quan	14.75	13
24	16020024	Lê Quang Minh	Nam	8/1/2009	11A1	Vân Tảo	14.75	13
43	16020043	Phạm Mỹ Vân	Nữ	20/02/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	14.75	13
20	16020020	Nguyễn Phạm Bảo Khánh	Nữ	31/10/2009	11A5	Phú Xuyên A	14.50	16
26	16020026	Đặng Tùng Nam	Nam	25/11/2009	11A1	Thường Tín	14.50	16
1	16020001	Đào Cẩm Anh	Nữ	26/10/2009	11A1	Phú Xuyên A	14.00	18
33	16020033	Vũ Thanh Tài	Nam	4/3/2009	11A2	Phú Xuyên B	14.00	18
16	16020016	Phan Mạnh Hùng	Nam	12/6/2009	11A2	Tân Dân	13.75	20
22	16020022	Nguyễn Huy Trí Kiệt	Nam	19/10/2009	11A1	Thường Tín	13.25	21
3	16020003	Phạm Thế Bảo	Nam	6/12/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	13.00	22
8	16020008	Nguyễn Hải Đăng	Nam	24/03/2009	11A1	Vân Tảo	13.00	22
37	16020037	Lê Vũ Thái Toàn	Nam	19/11/2009	11A2	Phú Xuyên A	13.00	22
31	16020031	Lưu Văn Quân	Nam	28/06/2009	11A1	Tân Dân	12.75	25
9	16020009	Phùng Đức Đồng	Nam	26/06/2009	11A5	Phú Xuyên A	12.25	26
12	16020012	Nguyễn Minh Hằng	Nữ	12/28/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.00	27
14	16020014	Nguyễn Trí Hiếu	Nam	22/10/2009	11A1	Thường Tín	12.00	27
41	16020041	Dương Minh Tuấn	Nam	14/08/2009	11A1	Tân Dân	12.00	27
40	16020040	Đào Anh Tuấn	Nam	7/7/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	<b>11.50</b>	30
42	16020042	Mai Ánh Tuyết	Nữ	10/24/2009	11A1	Phú Xuyên B	11.50	30
27	16020027	Ngô Phương Nguyên	Nữ	31/07/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	11.00	32

35	16020035	Từ Minh	Thành	Nam	26/08/2009	11A1	Vân Tảo	10.50	33
39	16020039	Đào Kiều	Trinh	Nữ	15/10/2009	11A1	Tân Dân	10.50	33
2	16020002	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	26/05/2009	11A1	Đông Quan	10.00	35
25	16020025	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	9/29/2009	11A1	Phú Xuyên B	10.00	35
11	16020011	Nguyễn Trà	Giang	Nữ	26/02/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	9.50	37
17	16020017	Lê Hiếu	Hung	Nam	3/17/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	8.75	38
4	16020004	Trần Đức	Duy	Nam	24/10/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	8.25	39
5	16020005	Lê Trung Đại	Dương	Nam	28/11/2009	11A2	Đông Quan	8.25	39
15	16020015	Vũ Thị Thanh	Hiền	Nữ	28/09/2009	11A5	Phú Xuyên A	8.00	41
29	16020029	Nguyễn Đức	Nhân	Nam	15/07/2009	11A1	Lý Từ Tấn	5.50	42
32	16020032	Nguyễn Thuý	Quỳnh	Nữ	1/5/2009	11A1	Lý Từ Tấn	4.00	43

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN HOÁ HỌC - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>27</b>	<b>16030027</b>	<b>Nguyễn Thị Khánh Huyền</b>	<b>Nữ</b>	<b>8/14/2009</b>	<b>11A1</b>	<b>Phú Xuyên B</b>	<b>17.70</b>	<b>1</b>
23	16030023	Dương Minh	Nam	16/10/2009	11A1	Đồng Quan	17.05	2
7	16030007	Đặng Minh	Nữ	23/12/2009	11A1	Đồng Quan	16.95	3
33	16030033	Dương Tú	Nữ	30/09/2009	11A1	Tân Dân	16.90	4
28	16030028	Dương Hoàng Bảo	Nam	02/12/2009	11A1	Tân Dân	16.10	5
47	16030047	Nguyễn Văn	Nam	5/13/2009	11A1	Phú Xuyên B	15.20	6
40	16030040	Nghiêm Khải	Nam	2/6/2009	11A1	Thường Tín	14.50	7
44	16030044	Bùi Xuân	Nam	3/9/2009	11A3	Thường Tín	14.35	8
32	16030032	Bùi Hoàng Tuấn	Nam	2/23/2009	11A1	Phú Xuyên B	13.65	9
21	16030021	Lê Ngọc	Nam	19/05/2009	11A1	Đồng Quan	13.25	10
12	16030012	Phạm Quốc	Nam	1/10/2009	11A1	Thường Tín	12.95	11
15	16030015	Nguyễn Hữu	Nam	2/9/2009	11A1	Thường Tín	12.70	12
31	16030031	Nghiêm Văn	Nam	7/13/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.35	13
42	16030042	Nguyễn Đức	Nam	18/04/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	12.25	14
45	16030045	Nguyễn Thu	Nữ	23/08/2009	11A1	Thường Tín	12.25	14
26	16030026	Nguyễn Quang	Nam	22/08/2009	11A1	Vân Tảo	12.00	16
16	16030016	Đỗ Bá	Nam	17/05/2009	11A1	Đồng Quan	11.70	17
46	16030046	Vũ Thị Thuý	Nữ	02/08/2009	11A1	Tân Dân	11.65	18
43	16030043	Tạ Hoàng	Nam	25/08/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	11.45	19
5	16030005	Phạm Vũ Hà	Nữ	17/10/2009	11A1	Phú Xuyên A	11.35	20
2	16030002	Bùi Lan	Nữ	5/27/2009	11A1	Phú Xuyên B	11.15	21
4	16030004	Nguyễn Tuấn	Nam	8/17/2009	11A1	Phú Xuyên B	11.15	21
39	16030039	Lê Trung	Nam	11/12/2009	11A2	Đồng Quan	11.00	23
37	16030037	Nguyễn Quang	Nam	4/26/2009	11A4	Phú Xuyên B	10.90	24
13	16030013	Trần Chí	Nam	8/12/2009	11A1	Lý Tử Tấn	10.45	25
9	16030009	Tạ Trần Minh	Nam	30/05/2009	11A2	Nguyễn Trãi – TT	10.35	26
19	16030019	Lương Ngọc	Nữ	26/11/2009	11A1	Đồng Quan	10.35	26
6	16030006	Nguyễn Ngọc	Nữ	08/08/2009	11A1	Phú Xuyên A	10.25	28
14	16030014	Đỗ Thuý	Nữ	27/09/2009	11A1	Phú Xuyên A	9.65	29
29	16030029	Phạm Duy	Nam	3/7/2009	11A1	Vân Tảo	9.45	30
11	16030011	Nguyễn Lê Khánh	Nam	6/5/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	9.35	31
36	16030036	Nguyễn Khánh	Nữ	23/06/2009	11A1	Phú Xuyên A	9.35	31

34	16030034	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	19/09/2009	11A1	Phú Xuyên A	8.90	33
24	16030024	Tạ Việt	Hoàng	Nam	5/5/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	8.80	34
3	16030003	Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	3/3/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	8.75	35
10	16030010	Nguyễn Thị Lệ	Chi	Nữ	29/06/2009	11A1	Phú Xuyên A	8.60	36
1	16030001	Lâm Bình	An	Nữ	10/11/2009	11A1	Tân Dân	8.55	37
18	16030018	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	11/5/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	8.55	37
41	16030041	Trịnh Minh	Phát	Nam	8/12/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	7.90	39
8	16030008	Phan Bảo	Châu	Nữ	3/16/2009	11A2	Phú Xuyên B	7.50	40
38	16030038	Đỗ Khôi	Nguyễn	Nam	20/10/2009	11A1	Vân Tảo	6.85	41
20	16030020	Trần Thu	Hà	Nữ	24/11/2009	11A2	Phú Xuyên A	6.35	42
17	16030017	Dương Quang	Đức	Nam	7/4/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	6.30	43
30	16030030	Nguyễn Phúc Minh	Khang	Nam	12/5/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	5.20	44
22	16030022	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	21/04/2009	11A2	Phú Xuyên A	4.25	45
25	16030025	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	27/10/2009	11A1	Lý Tử Tấn	2.75	46
35	16030035	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	4/4/2009	11A	Trường Thăng Long	0.90	47

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN SINH HỌC - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>12</b>	<b>16040012</b>	<b>Vũ Trường Giang</b>	<b>Nam</b>	<b>15/02/2009</b>	<b>11A1</b>	<b>Phú Xuyên B</b>	<b>18.25</b>	<b>1</b>
<b>36</b>	<b>16040036</b>	<b>Hoàng Quốc Việt</b>	<b>Nam</b>	<b>16/11/2009</b>	<b>11A0</b>	<b>Tô Hiệu-TT</b>	<b>18.25</b>	<b>1</b>
14	16040014	Đặng Văn Hoà	Nam	19/06/2009	11B1	Tô Hiệu-TT	17.75	3
5	16040005	Đỗ Thành Đạt	Nam	28/10/2009	11A1	Phú Xuyên A	16.50	4
13	16040013	Phan Thuý Hà	Nữ	19/04/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	16.00	5
11	16040011	Nguyễn Minh Đức	Nam	16/09/2009	11A	Trường Thăng Long	15.75	6
2	16040002	Nguyễn Phan Minh Anh	Nữ	1/12/2009	11B1	Tô Hiệu-TT	15.25	7
17	16040017	Nghiêm Thị Ngọc Lan	Nữ	23/08/2009	11A4	Phú Xuyên B	15.25	7
24	16040024	Trần Hoàng Nguyên	Nam	6/6/2009	11A2	Thường Tín	15.25	7
35	16040035	Đỗ Thanh Tùng	Nam	27/01/2009	11A1	Phú Xuyên A	15.25	7
25	16040025	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	19/01/2009	11A1	Tân Dân	15.00	11
9	16040009	Dương Minh Đức	Nam	19/10/2009	11A1	Tân Dân	14.88	12
33	16040033	Nguyễn Tất Thành	Nam	27/08/2009	11A1	Đồng Quan	14.75	13
1	16040001	Nguyễn Nhật Anh	Nam	06/07/2009	11A1	Phú Xuyên B	14.50	14
38	16040038	Vũ Hiến Vinh	Nam	14/04/2009	11A5	Phú Xuyên A	14.50	14
7	16040007	Trần Quốc Đạt	Nam	19/10/2009	11A3	Vân Tảo	14.35	16
20	16040020	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	05/04/2009	11A1	Phú Xuyên A	14.25	17
40	16040040	Nguyễn Như Ý	Nữ	3/3/2009	11A3	Thường Tín	14.25	17
18	16040018	Đặng Khánh Linh	Nữ	9/11/2009	11A1	Đồng Quan	13.75	19
23	16040023	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	21/09/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	13.50	20
29	16040029	Thái Như Quỳnh	Nữ	3/4/2009	11A1	Lý Tử Tấn	13.50	20
32	16040032	Lê Văn Thành	Nam	2/11/2009	11A1	Lý Tử Tấn	13.50	20
21	16040021	Vũ Đức Mạnh	Nam	25/10/2009	11A1	Phú Xuyên B	13.25	23
28	16040028	Trịnh Ngọc Phượng	Nữ	21/07/2009	11A1	Vân Tảo	13.00	24
37	16040037	Hoàng Thế Vinh	Nam	18/02/2009	11A1	Lý Tử Tấn	13.00	24
26	16040026	Tạ Văn Nhi	Nữ	26/01/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.50	26
31	16040031	Nguyễn Trung Thái	Nam	4/3/2009	11A1	Thường Tín	12.50	26
39	16040039	Nguyễn Linh Vũ	Nam	7/6/2009	11A1	Đồng Quan	12.50	26
30	16040030	Nguyễn Văn Tài	Nam	29/01/2009	11A1	Thường Tín	12.00	29
15	16040015	Phạm Khánh Huyền	Nữ	20/04/2009	11B1	Tô Hiệu-TT	11.75	30
6	16040006	Lê Văn Cao Đạt	Nam	11/12/2009	11A3	Phú Xuyên A	10.75	31
10	16040010	Lê Minh Đức	Nam	02/09/2009	11A4	Phú Xuyên B	10.50	32

27	16040027	Đào Thị Thanh	Phuong	Nữ	30/11/2009	11A6	Phú Xuyên B	10.25	33
22	16040022	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	28/03/2009	11A4	Phú Xuyên A	9.75	34
4	16040004	Tạ Thùy	Dương	Nữ	04/11/2009	11A5	Phú Xuyên B	9.50	35
16	16040016	Đỗ Thế	Khang	Nam	2/2/2009	11A1	Đồng Quan	9.00	36
19	16040019	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	Nữ	18/02/2009	11A1	Thường Tín	8.25	37
3	16040003	Trần Duy	Anh	Nam	11/9/2009	11A2	Vân Tảo	7.75	38
8	16040008	Phan Duy Hải	Đặng	Nam	25/09/2009	11A3	Phú Xuyên A	7.50	39
34	16040034	Trần Minh	Thuận	Nam	14/09/2009	11A3	Phú Xuyên A	4.50	40

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ	
<b>35</b>	<b>16050035</b>	<b>Trần Thị Hà</b>	<b>Phương</b>	<b>Nữ</b>	<b>24/10/2009</b>	<b>11A11</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>18.00</b>	<b>1</b>
29	16050029	Hoàng Ánh	Ngọc	Nữ	21/04/2009	11A11	Thường Tín	16.50	2
33	16050033	Đỗ Mai	Phương	Nữ	2/10/2009	11A11	Thường Tín	16.00	3
26	16050026	Trần Văn	Minh	Nam	11/12/2009	11A11	Thường Tín	15.50	4
34	16050034	Hoàng Thị Thu	Phương	Nữ	12/1/2009	11A3	Phú Xuyên B	15.50	4
41	16050041	Đỗ Phạm Anh	Thư	Nữ	8/24/2009	11A2	Phú Xuyên B	15.50	4
43	16050043	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	20/10/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	15.50	4
25	16050025	Đỗ Thị Hồng	Minh	Nữ	4/3/2009	11A8	Vân Tảo	15.00	8
38	16050038	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	2/11/2009	11A10	Đông Quan	15.00	8
10	16050010	Nguyễn Thuý	Doan	Nữ	07/10/2009	11A7	Phú Xuyên B	14.50	10
12	16050012	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	8/2/2009	11A10	Đông Quan	14.50	10
20	16050020	Vũ Hà	Linh	Nữ	27/11/2009	11S1	Nguyễn Trãi – TT	14.50	10
30	16050030	Trần Minh	Ngọc	Nữ	10/2/2009	11A10	Phú Xuyên B	14.50	10
31	16050031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/09/2009	11A10	Đông Quan	14.50	10
32	16050032	Đỗ Anh	Phương	Nữ	6/1/2009	11A11	Thường Tín	14.50	10
36	16050036	Nguyễn Lê	Quyên	Nữ	3/6/2009	11A2	Phú Xuyên B	14.50	10
45	16050045	Tống Anh	Thư	Nữ	31/10/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	14.25	17
15	16050015	Lê Thị	Hợp	Nữ	22/12/2009	11A10	Đông Quan	14.00	18
23	16050023	Nguyễn Phương	Ly	Nữ	29/03/2009	11D1	Lý Tử Tấn	14.00	18
28	16050028	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	16/08/2009	11A7	Vân Tảo	14.00	18
39	16050039	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	1/13/2009	11D1	Tân Dân	14.00	18
44	16050044	Tạ Anh	Thư	Nữ	18/11/2009	11A11	Thường Tín	14.00	18
4	16050004	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	26/03/2009	11A2	Phú Xuyên A	13.50	23
5	16050005	Phùng Bảo	Anh	Nữ	1/7/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	13.50	23
6	16050006	Phùng Thị Hà	Anh	Nữ	17/09/2009	11A11	Phú Xuyên A	13.50	23
21	16050021	Vũ Thị	Loan	Nữ	15/05/2009	11A10	Phú Xuyên B	13.50	23
42	16050042	Hoàng Anh	Thư	Nữ	30/04/2009	11A11	Phú Xuyên A	13.50	23
46	16050046	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	10/3/2009	11A8	Vân Tảo	13.50	23
7	16050007	Nguyễn Thế	Bảo	Nam	15/05/2009	11A2	Phú Xuyên B	13.25	29
18	16050018	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	31/07/2009	11A13	Phú Xuyên A	13.25	29
16	16050016	Đặng Thị Hương	Lan	Nữ	8/11/2009	11C1	Tân Dân	13.00	31
17	16050017	Đỗ Hà	Linh	Nữ	11/4/2009	11A7	Vân Tảo	13.00	31

51	16050051	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	30/01/2009	11A10	Đông Quan	13.00	31
24	16050024	Nguyễn Trà	Ly	Nữ	4/8/2009	11D2	Lý Từ Tấn	12.50	34
27	16050027	Bùi Vũ Thảo	My	Nữ	26/07/2009	11A13	Phú Xuyên A	12.50	34
2	16050002	Đào Duy	Anh	Nam	09/01/2009	11A10	Phú Xuyên A	12.25	36
3	16050003	Hồ Quỳnh	Anh	Nữ	11/4/2009	11D1	Lý Từ Tấn	12.00	37
40	16050040	Tô Thị Phương	Thảo	Nữ	7/11/2009	11A12	Phú Xuyên B	12.00	37
47	16050047	Vương Thị Hà	Trang	Nữ	31/01/2009	11A11	Thường Tín	12.00	37
48	16050048	Phạm Nhã	Văn	Nữ	15/01/2009	11A11	Thường Tín	11.75	40
1	16050001	Hồ Bảo	An	Nữ	7/5/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	11.50	41
13	16050013	Trịnh Thiên	Hào	Nam	24/04/2009	11A10	Đông Quan	11.50	41
19	16050019	Phạm Ngọc Diệu	Linh	Nữ	3/3/2009	11D8	Lý Từ Tấn	11.50	41
22	16050022	Ngô Tuấn	Long	Nam	23/07/2009	11B	Trương Thăng Long	11.50	41
50	16050050	Nguyễn Phương	Yến	Nữ	1/11/2009	11D4	Tân Dân	11.25	45
8	16050008	Đào Thị Minh	Châu	Nữ	1/7/2009	11C1	Tân Dân	11.00	46
9	16050009	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	20/05/2009	11D1	Nguyễn Trãi – TT	11.00	46
11	16050011	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	17/01/2009	11A10	Phú Xuyên A	11.00	46
14	16050014	Trần Thị Khánh	Hiền	Nữ	31/12/2009	11D1	Lý Từ Tấn	11.00	46
37	16050037	Hoàng Thanh	Tâm	Nữ	02/12/2009	11A13	Phú Xuyên A	10.75	50
49	16050049	Nguyễn Tuấn	Việt	Nam	22/09/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	10.50	51

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>22</b>	<b>16060022</b>	<b>Phạm Minh Hạng</b>	<b>Nữ</b>	<b>19/11/2009</b>	<b>11D2</b>	<b>Tô Hiệu-TT</b>	<b>16.25</b>	<b>1</b>
34	16060034	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nữ	21/10/2009	11A10	Đồng Quan	14.50	2
37	16060037	Nguyễn Thị Thùy Nhi	Nữ	10/5/2009	11H1	Nguyễn Trãi – TT	14.50	2
5	16060005	Nguyễn Phương Anh	Nữ	10/01/2009	11A10	Phú Xuyên A	14.25	4
24	16060024	Ngô Thị Thuý Hiền	Nữ	5/12/2009	11A11	Thường Tín	14.00	5
42	16060042	Phạm Hà Phương	Nữ	25/08/2009	11D2	Tô Hiệu-TT	14.00	5
1	16060001	Đào Quỳnh Anh	Nữ	19/04/2009	11A5	Vân Tảo	13.50	7
33	16060033	Nghiêm Thị Ngọc	Nữ	06/06/2009	11A2	Phú Xuyên B	13.50	7
32	16060032	Lê Hồng Ngọc	Nữ	11/9/2009	11A10	Đồng Quan	13.25	9
38	16060038	Nguyễn Hà Oanh	Nữ	03/04/2009	11A5	Phú Xuyên B	13.25	9
17	16060017	Trần Thị Thái Tâm Đan	Nữ	5/21/2009	11C1	Tân Dân	12.75	11
43	16060043	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Nữ	12/01/2009	11A3	Phú Xuyên B	12.75	11
10	16060010	Phạm Khánh Băng	Nữ	9/11/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	12.50	13
31	16060031	Trần Trà My	Nữ	6/6/2009	11D4	Tân Dân	12.25	14
30	16060030	Lương Bình Minh	Nam	24/05/2009	11A7	Phú Xuyên B	12.00	15
39	16060039	Tạ Đức Phát	Nam	21/08/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	12.00	15
21	16060021	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	28/11/2009	11 D2	Nguyễn Trãi – TT	11.75	17
23	16060023	Ngô Minh Hằng	Nữ	20/05/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	11.75	17
9	16060009	Trần Thị Phương Anh	Nữ	07/01/2009	11A2	Phú Xuyên B	11.50	19
28	16060028	Nguyễn Tuệ Linh	Nữ	26/11/2009	11D1	Nguyễn Trãi – TT	11.50	19
18	16060018	Hoàng Minh Đức	Nam	22/06/2009	11A8	Thường Tín	11.25	21
51	16060051	Đoàn Hải Yến	Nữ	15/04/2009	11A11	Đồng Quan	11.25	21
20	16060020	Nguyễn Hương Giang	Nữ	24/08/2009	11A11	Thường Tín	11.00	23
27	16060027	Trần Thị Lan	Nữ	25/08/2009	11A10	Đồng Quan	11.00	23
29	16060029	Nguyễn Hiền Lương	Nữ	25/04/2009	11A8	Vân Tảo	11.00	23
46	16060046	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	07/05/2009	11A10	Phú Xuyên A	11.00	23
47	16060047	Phạm Cẩm Tú	Nữ	26/08/2009	11A3	Phú Xuyên B	10.75	27
16	16060016	Đỗ Thị Mỹ Duyên	Nữ	28/02/2009	11A11	Thường Tín	10.50	28
40	16060040	Nguyễn Thị Minh Phụng	Nữ	19/05/2009	11A10	Đồng Quan	10.50	28
45	16060045	Bùi Hoàng Anh Thư	Nữ	24/08/2009	11A11	Phú Xuyên A	10.50	28

2	16060002	Đinh Thùy	Anh	Nữ	22/11/2009	11C1	Tân Dân	10.25	31
7	16060007	Phạm Lan	Anh	Nữ	13/05/2009	11A11	Phú Xuyên A	10.25	31
41	16060041	Nguyễn Hoài	Phuong	Nữ	16/01/2009	11A14	Phú Xuyên B	10.25	31
3	16060003	Đoàn Phương	Anh	Nữ	3/3/2009	11A11	Thường Tín	10.00	34
25	16060025	Nguyễn Thảo	Hiền	Nữ	25/07/2009	11A12	Vân Tảo	10.00	34
15	16060015	Trần Thảo	Chi	Nữ	2/10/2009	11A6	Đông Quan	9.50	36
11	16060011	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	03/07/2009	11A10	Phú Xuyên A	9.00	37
50	16060050	Vũ Hà	Vy	Nữ	22/07/2009	11A11	Thường Tín	8.50	38
4	16060004	Dương Lan	Anh	Nữ	17/09/2009	11A15	Thường Tín	8.25	39
14	16060014	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	08/08/2009	11A14	Phú Xuyên A	8.25	39
12	16060012	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	29/08/2009	11A14	Phú Xuyên A	8.00	41
13	16060013	Nguyễn Thùy	Chi	Nữ	16/10/2009	11C1	Tân Dân	8.00	41
19	16060019	Lương Thu	Giang	Nữ	17/01/2009	11D1	Lý Tử Tấn	8.00	41
48	16060048	Vũ Thị Hà	Vi	Nữ	23/01/2009	11B	Trường Thăng Long	8.00	41
6	16060006	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	13/04/2009	11A2	Thường Tín	7.50	45
35	16060035	Phạm Tiểu	Ngọc	Nữ	30/05/2009	11C1	Tân Dân	7.25	46
8	16060008	Trần Lê Thu	Anh	Nữ	7/4/2009	11A8	Vân Tảo	5.75	47
36	16060036	Lê Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	1/2/2009	11A12	Phú Xuyên B	5.25	48
26	16060026	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	17/02/2009	11D1	Lý Tử Tấn	3.25	49
49	16060049	Đỗ Lê Thảo	Vy	Nữ	23/11/2009	11A6	Phú Xuyên A	3.25	49
44	16060044	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	8/8/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	3.00	51

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>21</b>	<b>16070021</b>	<b>Đặng Thị Anh Minh</b>	<b>Nữ</b>	<b>06/04/2009</b>	<b>11A10</b>	<b>Phú Xuyên A</b>	<b>15.75</b>	<b>1</b>
<b>34</b>	<b>16070034</b>	<b>Bùi Phương Thảo</b>	<b>Nữ</b>	<b>14/08/2009</b>	<b>11A10</b>	<b>Phú Xuyên A</b>	<b>15.75</b>	<b>1</b>
31	16070031	Nguyễn Đình Quân	Nam	7/5/2009	11A5	Vân Tảo	15.00	3
12	16070012	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	25/06/2009	11D3	Tô Hiệu-TT	14.50	4
15	16070015	Phan Gia Huy	Nam	12/6/2009	11D1	Tân Dân	14.50	4
40	16070040	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	3/8/2009	11D3	Tô Hiệu-TT	14.00	6
18	16070018	Nghiêm Thùy Linh	Nữ	17/02/2009	11A10	Đông Quan	13.75	7
14	16070014	Lê Đăng Hòa	Nam	13/07/2009	11A7	Vân Tảo	13.50	8
5	16070005	Nguyễn Gia Bảo	Nam	15/07/2009	11A13	Phú Xuyên A	13.25	9
26	16070026	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	1/9/2009	11A10	Đông Quan	13.25	9
35	16070035	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	30/09/2009	11A7	Vân Tảo	13.25	9
29	16070029	Hồ Thị Tiểu Phụng	Nữ	13/10/2009	11D2	Tô Hiệu-TT	13.00	12
17	16070017	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	28/07/2009	11A13	Thường Tín	12.75	13
4	16070004	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	10/07/2009	11A10	Phú Xuyên A	12.50	14
9	16070009	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	9/10/2009	11D0	Tô Hiệu-TT	12.50	14
38	16070038	Lê Đài Trang	Nữ	22/04/2009	11A7	Phú Xuyên B	12.50	14
20	16070020	Hán Huệ Mẫn	Nữ	08/09/2009	11A10	Phú Xuyên A	12.25	17
7	16070007	Nguyễn Khánh Bảo Châu	Nữ	26/11/2009	11A10	Phú Xuyên A	12.00	18
19	16070019	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	5/2/2009	11S1	Nguyễn Trãi – TT	12.00	18
37	16070037	Văn Thị Tinh	Nữ	26/06/2009	11A7	Vân Tảo	12.00	18
1	16070001	Đặng Thị Minh Anh	Nữ	6/12/2009	11A9	Đông Quan	11.75	21
11	16070011	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	13/06/2009	11A11	Thường Tín	11.75	21
16	16070016	Vũ Quang Huy	Nam	7/7/2009	11C1	Tân Dân	11.75	21
44	16070044	Lê Thị Hải Yến	Nữ	10/4/2009	11S2	Nguyễn Trãi – TT	11.75	21
24	16070024	Phùng Thị Kim Ngân	Nữ	01/04/2009	11A11	Phú Xuyên A	11.25	25
25	16070025	Lê Đình Nghĩa	Nam	22/12/2009	11S1	Nguyễn Trãi – TT	11.25	25
42	16070042	Đào Phương Tú	Nữ	22/07/2009	11A14	Thường Tín	11.00	27
22	16070022	Phạm Trà My	Nữ	19/12/2009	11D4	Tân Dân	10.50	28
30	16070030	Nguyễn Quỳnh Phương	Nữ	26/05/2009	11C1	Tân Dân	10.25	29
33	16070033	Lê Tiến Thành	Nam	5/10/2009	11A11	Đông Quan	10.25	29
3	16070003	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nữ	5/2/2009	11A14	Phú Xuyên B	10.00	31
27	16070027	Lê Phương Nhung	Nữ	25/11/2009	11D3	Tân Dân	10.00	31

6	16070006	Đào Duy	Bình	Nam	22/10/2009	11A11	Đông Quan	9.75	33
23	16070023	Lê Hà	Ngân	Nữ	23/01/2009	11A8	Đông Quan	8.00	34
13	16070013	Trần Thị Thanh	Hạ	Nữ	14/06/2009	11D1	Lý Tử Tấn	7.75	35
28	16070028	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/04/2009	11A6	Vân Tảo	7.75	35
36	16070036	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	20/09/2009	11A11	Phú Xuyên A	7.75	35
41	16070041	Đình Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	7/15/2009	11D2	Tân Dân	7.75	35
10	16070010	Doãn Trường	Giang	Nam	13/09/2009	11B	Trường Thăng Long	6.00	39
39	16070039	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	14/07/2009	11A7	Phú Xuyên B	5.50	40
2	16070002	Đào Phùng Việt	Anh	Nam	3/12/2009	11H1	Nguyễn Trãi – TT	5.00	41
8	16070008	Trần Sao	Chi	Nữ	20/09/2009	11D1	Lý Tử Tấn	4.25	42
32	16070032	Kiều Trúc	Quỳnh	Nữ	09/05/2009	11A9	Phú Xuyên B	4.25	42
43	16070043	Nguyễn Công	Vinh	Nam	2/15/2009	11A9	Phú Xuyên B	-1.00	44

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**CỤM TRƯỜNG THPT SỐ 16**

**DANH SÁCH ĐIỂM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CỤM**  
**NĂM HỌC 2025-2026**  
**MÔN TIẾNG ANH - KHỐI 11**

TT	SBD	Họ và Tên	Nữ	Ngày sinh	Lớp	Trường	Điểm	Xếp thứ
<b>8</b>	<b>16080008</b>	<b>Nguyễn Tuấn Bình</b>	<b>Nam</b>	<b>12/3/2009</b>	<b>11A8</b>	<b>Thường Tín</b>	<b>17.80</b>	<b>1</b>
36	16080036	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	11/12/2009	11A6	Thường Tín	16.00	2
39	16080039	Hoàng Văn Phú	Nam	10/03/2009	11A6	Phú Xuyên A	15.50	3
49	16080049	Lê Văn Anh Vũ	Nam	10/2/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	15.10	4
28	16080028	Võ Thu Huyền	Nữ	16/12/2009	11A10	Phú Xuyên A	15.00	5
4	16080004	Nguyễn Phương Anh	Nữ	26/12/2009	11D1	Nguyễn Trãi – TT	14.60	6
10	16080010	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	17/04/2009	11A6	Thường Tín	14.50	7
20	16080020	Đặng Phạm Trường Giang	Nam	29/10/2009	11A5	Phú Xuyên A	14.50	7
43	16080043	Đỗ Nguyễn Minh Thư	Nữ	13/06/2009	11A6	Thường Tín	14.40	9
42	16080042	Nguyễn Đoàn Việt Thắng	Nam	12/3/2009	11A7	Thường Tín	14.20	10
47	16080047	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	1/11/2009	11A6	Thường Tín	14.00	11
13	16080013	Vũ Kiên Cường	Nam	26/08/2009	11A6	Thường Tín	13.60	12
32	16080032	Lý Văn Mạnh	Nam	16/03/2009	11A6	Thường Tín	13.60	12
33	16080033	Nguyễn Hoàng Minh	Nữ	10/10/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	13.50	14
14	16080014	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	19/06/2009	11A1	Phú Xuyên B	13.40	15
45	16080045	Phùng Thu Trang	Nữ	05/01/2009	11A5	Phú Xuyên A	13.00	16
25	16080025	Vũ Linh Hân	Nữ	5/8/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	12.90	17
5	16080005	Nguyễn Việt Anh	Nữ	29/09/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	12.80	18
12	16080012	Nguyễn Thị Thanh Chúc	Nữ	05/02/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.60	19
24	16080024	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	1/18/2009	11A1	Phú Xuyên B	12.60	19
40	16080040	Dương Thị Phương Thảo	Nữ	16/11/2009	11A5	Phú Xuyên A	12.40	21
2	16080002	Đình Quỳnh Anh	Nữ	04/07/2009	11A2	Phú Xuyên B	11.80	22
26	16080026	Vũ Minh Hiếu	Nam	9/11/2009	11A1	Tô Hiệu-TT	11.60	23
31	16080031	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	24/09/2009	11A10	Phú Xuyên A	11.20	24
17	16080017	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	2/7/2009	11A7	Vân Tảo	11.00	25
9	16080009	Bùi Bảo Châm	Nữ	06/04/2009	11A1	Phú Xuyên B	10.80	26
46	16080046	Vũ Thị Phương Uyên	Nữ	2/12/2009	11A6	Đồng Quan	10.40	27
19	16080019	Trần Hữu Đức	Nam	12/10/2009	11A7	Vân Tảo	10.20	28
1	16080001	Trần Phúc An	Nam	28/09/2009	11A1	Phú Xuyên B	10.00	29
3	16080003	Nguyễn Bảo Anh	Nữ	21/10/2009	11A7	Vân Tảo	10.00	29
29	16080029	Nguyễn Đức Khuê	Nam	21/06/2009	11A6	Đồng Quan	9.80	31

30	16080030	Đào Tuyết	Mai	Nữ	12/10/2009	11A13	Phú Xuyên A	9.80	31
7	16080007	Triệu Văn	Bảo	Nam	10/6/2009	11A7	Vân Tào	9.60	33
15	16080015	Hoàng Hải	Dương	Nam	7/5/2009	11D1	Tân Dân	9.60	33
48	16080048	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	8/5/2009	11A1	Đồng Quan	9.60	33
18	16080018	Trần Tiến	Đạt	Nam	10/8/2009	11A6	Đồng Quan	9.20	36
16	16080016	Phan Đông	Dương	Nam	23/07/2009	11A6	Đồng Quan	9.00	37
41	16080041	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	23/07/2009	11A8	Phú Xuyên B	8.60	38
34	16080034	Trần Phương	Nga	Nữ	2/11/2009	11A1	Nguyễn Trãi – TT	8.40	39
6	16080006	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	Nữ	3/9/2009	11A6	Đồng Quan	8.10	40
35	16080035	Đỗ Hoàng Thúy	Ngân	Nữ	05/10/2009	11A7	Phú Xuyên B	7.40	41
11	16080011	Trần Quỳnh	Chi	Nữ	22/12/2009	11A5	Phú Xuyên A	7.20	42
38	16080038	Tạ Thái	Phong	Nam	22/06/2009	11A	Trùng Thăng Long	7.20	42
37	16080037	Lương Yên	Nhi	Nữ	11/3/2009	11D1	Tân Dân	6.60	44
44	16080044	Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	8/10/2009	11D7	Lý Tử Tấn	6.40	45
23	16080023	Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	5/8/2009	11D1	Lý Tử Tấn	6.20	46
22	16080022	Trịnh Thị Thúy	Hà	Nữ	20/12/2009	11A0	Tô Hiệu-TT	5.60	47
21	16080021	Dương Thu	Hà	Nữ	6/7/2009	11D1	Tân Dân	5.40	48
27	16080027	Lê Quang	Huy	Nam	12/26/2009	11D1	Tân Dân	-1.00	49